

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 26-5-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hải Đăng.

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-DS, ngày 01/3/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp TL, xã VT, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp VP, xã VT1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị H (tự: Cà H), sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ 3, ấp TL, xã VT, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn A trình bày: Trước đây giữa ông và ông Nguyễn Văn S có làm ăn qua lại với nhau trong việc mua bán lúa, vụ lúa hè thu năm 2020 ông có hỏi mua lúa của ông Nguyễn Văn S, hai bên thỏa thuận mua lúa thơm và giống lúa Bến Tre (gồm 150 công lúa Thơm 7347 và 300 công lúa Bến Tre), giao là lúa tươi khô (được cắt ra từ máy cắt); giá lúa Thơm 7347 là 6.000đ/kg; giá giống lúa Bến Tre là 6.500đ/kg, sau khi thống nhất ông có giao cọc cho ông S để đi mua bán lại cho ông với số tiền là 142.000.000đ (tức là bỏ cọc là 300.000đ/công đất lúa tươi). Còn việc ông S đi

mua, thỏa thuận giá của các hộ dân trồng lúa bao nhiêu thì ông không biết, ông chỉ biết mua lúa từ ông S theo giá thỏa thuận nói trên. Đến vụ hè thu năm 2020 thì ông có cho ghe đến cân tổng cộng là 350 công lúa và còn lại 4 công không cân; lý do không cân là do lúa bị ướt, ông có yêu cầu bớt giá thì ông S không bớt nên ông không cân; như vậy ông chỉ cân có 346 công lúa còn lại 4 công đất lúa thì ông không lấy và 04 công đất lúa bị ướt này là của bà Võ Thị H. Sau khi tính toán tiền cọc thì chỉ trừ có 127.000.000đ, còn lại là 15.000.000đ ông S chưa trả lại cho ông. Nay ông khởi kiện chỉ yêu cầu ông S phải trả lại số tiền 15.000.000đ. Ngoài ra không yêu cầu nào khác; trong vụ án này ông không có yêu cầu Tòa án đưa vợ ông S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Tại bản tự khai ngày 21/6/2021 và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:* Ông thừa nhận vụ lúa hè thu năm 2020, ông có làm cò lúa mua lúa cho ông Nguyễn Văn C, sau này là ông Lâm Văn A; Ông có hỏi mua lúa của bà Võ Thị H với diện tích 50 công lúa Thơm 7347 (loại lúa tươi), giá là 6.000đ/kg; tiền công làm cò ông hưởng là 20.000đ/tân; Trong thời gian này do ông C thấy không có lời nên có thỏa thuận sang lại cho ông Lâm Văn A 50 công lúa tươi được hỏi mua từ bà H cũng với giá là 6.000đ/kg, hai bên thống nhất sang lại và ông A có đưa tiền cho ông để đi tiền cọc mua lúa của bà H với số tiền là 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*); tới vụ cắt thì bà H có bán hết số lúa của 50 công lúa này nhưng do có trên 30 bao (khoảng 4 công) là bị ướt nên ông A kêu bớt tiền nhưng bà H không đồng ý bớt, thấy vậy ông cũng đồng ý bớt cho ông A là 500.000đồng/4 công lúa ướt nhưng ông A không đồng ý lấy và bỏ lại số lúa bị ướt này. Sau đó sự việc được ông A thừa kiện lên áp và tranh chấp cho đến nay. Qua yêu cầu khởi kiện của ông A thì ông không đồng ý, vì tiền cọc còn lại 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*) thì khi đi mua lúa ông đã đặt cọc cho bà H. Khi nào bà H trả lại tiền cọc 15.000.000đ cho ông thì ông mới có tiền trả lại cho ông A.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022 và tại phiên tòa bà Võ Thị H trình bày:* Vụ lúa hè thu năm 2020, bà có thỏa thuận bán lúa tươi cho ông Nguyễn Văn S, với diện tích khoảng 50 công lúa Thơm 7347, thỏa thuận với giá là 6.000đ/1kg lúa tươi. Bà có nhận tiền cọc của ông S với số tiền 15.000.000 đồng. Khi thỏa thuận bán lúa thì bà có nói là chỉ biết ông S, ngoài ra không biết ai hết. Sau đó ông S cho ngày cắt lúa, cụ thể: Ngày 14/8/2020 (âm lịch) cắt trước 04 công, đến ngày 20/8/2020 tiếp tục cắt thêm 18 công, đến ngày 04/9/2020 cắt thêm 04 công; số còn lại thì ông S cho rằng lúa ướt nên không đồng ý cắt và bỏ lại.

Vào ngày 04/9/2020 (âm lịch) bà có cắt thêm 04 công lúa cho ông S nhưng do đồng ngập nước nên lúa có bị ướt, sau khi cắt xong thì S không chịu cân, bà có hỏi lý do thì ông S cho rằng lúa ướt nên không chịu lấy và bỏ lại. Do ông S không chịu cân 04 công lúa ướt này nên bà đã trình báo lên Chính quyền Ấp để giải quyết, sau đó Ban lãnh đạo ấp Thắng Lợi mới kêu gia đình bà đổ lúa ướt ra phơi và sử dụng, số lúa bị bỏ lại là khoảng 38 bao (1bao là 50kg). Do ông S không đồng ý cân 04 công lúa này nên bà không đồng ý trả lại tiền cọc 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) cho ông S, còn các lần cân lúa trước thì ông S đã có thanh toán đầy đủ.

Số lúa bị bỏ 38 bao này thì sau khi phơi xong, do lúa kém chất lượng nên bà đã bán rẻ lại cho người khác để làm thức ăn cho gia cầm.

Bà thừa nhận hiện nay số tiền cọc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) chưa có thanh toán với ông S; do ông S cắt lúa xong mà không chịu cân nên gây thiệt hại cho bà là 04 công lúa tươi. Nếu ông S yêu cầu bà trả lại số tiền cọc nói trên thì bà yêu cầu ông S phải bồi thường thiệt hại 04 công lúa tươi tương đương 38 bao lúa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nhận cọc mua lúa 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại ấp VP, xã VT1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lâm Văn A khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại số tiền đã nhận là 15.000.000đ; hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như thỏa thuận với nhau; theo lời trình bày của các bên thì hợp đồng mua bán mà hai bên giao kết dựa trên sự thỏa thuận mà không lập thành văn bản. Xét thấy các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội, hình thức giao dịch được thực hiện bằng lời nói, đối tượng của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng mua bán giữa ông A với ông S được xác lập hợp pháp theo quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 430 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn S thừa nhận có nhận tiền cọc của ông Lâm Văn A với số tiền 142.000.000đ để mua 350 công lúa tươi vụ hè thu năm 2020, đến vụ thì ông A chỉ cân được 346 công lúa tươi, còn lại 4 công lúa tươi thì không lấy do lúa đã bị ứot. Sau khi tính toán và trừ đi số tiền cọc ông S thống nhất còn nợ lại ông A số tiền 15.000.000đ; xét thấy các lời khai của các đương sự trong vụ án đều thống nhất với nhau, sau khi cân xong 346 công lúa tươi

thì đến ngày 04/9/2020 (âm lịch) bà H có cắt thêm 04 công lúa nhưng do đồng ngập nên lúa có bị ướt, từ đó ông A không đồng ý mua số lúa ướt này.

[3] Căn cứ vào quy định tại Điều 432, 439 Bộ luật dân sự thì trong trường hợp giao hàng không đúng chủng loại thì bên mua có quyền thỏa thuận về giá, yêu cầu giao đúng chủng loại và bồi thường thiệt hại hoặc hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp này, ông S đã giao hàng cho ông A không đúng chủng loại theo thỏa thuận hai bên, giữa hai bên cũng không có sự thỏa thuận lại về giá nên dẫn đến ông A không đồng ý nhận 04 công lúa còn lại là có căn cứ và phù hợp với nội dung mà các bên đã thỏa thuận mua bán với nhau. Vì vậy trong vụ việc mua bán này, ông S đã có phần lỗi, khi giao hàng không đúng chủng loại và việc ông A từ chối nhận lúa là có căn cứ. Vì vậy, việc ông Lâm Văn A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại số tiền 15.000.000đ là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa ông S nại vì số tiền cọc 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) ông đã giao đặt cọc cho bà H. Do bà H chưa trả lại cho ông nên ông chưa thể trả lại cho ông A số tiền 15.000.000đ này. Xét lời khai nại này là không có căn cứ, vì giao dịch giữa ông S với bà H là giao dịch mua bán khác, quá trình giải quyết vụ án giữa ông S và bà H cùng thống nhất tự thương lượng lại với nhau và không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Trường hợp các bên không thỏa thuận được mà có pháp sinh tranh chấp sẽ tiến hành khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn A số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải thi hành.

Nguyên đơn ông Lâm Văn A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009710 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 430, 432, 433, 434, 437, 439 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn A về việc tranh chấp hợp đồng mua bán lúa đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông Lâm Văn A số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho ông Lâm Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009710 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Trần Văn Tôn